

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Số 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, Thành Phố Cần Thơ

Tel: 0710 3611 366 Fax: 0710 3611 556



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2011

10/02/2012

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	2 - 5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2011	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 4 năm 2011	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2011	10 - 25

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	26
- Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	27

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: Q-01d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		645,195,073,384	533,390,351,446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,112,072,143	6,723,539,798
1. Tiền	111	V.1	3,112,072,143	6,723,539,798
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	90,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	93,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.2	-	(3,000,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		475,162,482,475	200,012,213,989
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	204,023,974,144	57,455,730,221
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	172,251,398,680	133,252,180,751
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	101,759,833,108	12,079,526,474
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2,872,723,457)	(2,775,223,457)
IV. Hàng tồn kho	140		157,851,054,493	229,928,119,698
1. Hàng tồn kho	141	V.6	157,851,054,493	229,928,119,698
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,069,464,273	6,726,477,961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	676,614,307	51,433,855
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.19	2,472,362,153	2,168,831,025
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.19	2,119,678,827	1,803,483,708
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3,800,808,986	2,702,729,373

Bảng cân đối kế toán Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: Q-01d

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		141,518,720,652	144,145,543,569
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		113,703,092,144	114,389,680,192
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	27,565,063,708	27,800,253,738
- Nguyên giá	222	V.9	37,311,611,537	34,136,027,314
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	V.9	(9,746,547,829)	(6,335,773,576)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	85,618,483,184	85,908,073,702
- Nguyên giá	228	V.10	87,436,417,010	86,841,611,531
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	V.10	(1,817,933,826)	(933,537,829)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	519,545,252	681,352,752
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26,900,000,000	28,800,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	19,600,000,000	28,800,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	7,300,000,000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		915,628,508	955,863,377
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	915,628,508	947,139,094
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	8,724,283
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		786,713,794,036	677,535,895,015

Bảng cân đối kế toán Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: Q-01d

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		710,938,331,511	588,026,039,246
I. Nợ ngắn hạn	310		709,819,856,511	587,282,289,246
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	385,115,577,077	344,196,603,755
2. Phải trả người bán	312	V.16	205,392,667,052	140,885,240,795
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	117,175,485,984	101,761,525,191
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	28,343,563	57,210,569
5. Phải trả người lao động	315	V.19	11,841,000	-
6. Chi phí phải trả	316	V.20	931,240,950	218,388,819
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	902,108,640	163,320,117
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	262,592,245	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,118,475,000	743,750,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	726,750,000	743,750,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	391,725,000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		75,775,462,525	89,509,855,769
I. Vốn chủ sở hữu	410		75,775,462,525	89,509,855,769
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	84,800,000,000	80,800,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	106,540,779	106,540,779
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	(9,131,078,254)	8,603,314,990
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		786,713,794,036	677,535,895,015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỸ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: Q-01d

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại:	05			
Dollar Mỹ (USD)		V.1	93,129.34	59,352.93
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: Q-02d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT- QUÝ

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm 2011	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	543,527,768,074	299,093,698,173	1,408,371,411,547	1,078,537,729,363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	543,527,768,074	299,093,698,173	1,408,371,411,547	1,078,537,729,363
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	501,074,765,039	275,562,377,078	1,325,140,421,077	1,033,556,062,788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42,453,003,035	23,531,321,095	83,230,990,470	44,981,666,575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7,678,634,250	17,604,222,140	27,095,651,775	67,769,132,195
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26,246,270,611	40,942,546,465	97,282,961,919	89,069,533,154
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	VI.4	<i>23,916,945,833</i>	<i>27,169,430,153</i>	82,412,638,563	63,358,242,929
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4,160,981,013	1,507,359,354	17,976,005,371	8,624,921,241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2,186,115,414	2,153,286,988	7,272,508,963	8,837,626,762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		17,538,270,247	(3,467,649,572)	(12,204,834,008)	6,218,717,613
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6,822,454,798	1,002,284,278	7,896,092,222	1,408,538,223
12. Chi phí khác	32	VI.8	4,487,382,779	688,394,967	4,832,755,340	690,783,499
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2,335,072,019	313,889,311	3,063,336,882	717,754,724
14. Phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	45		-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: Q-02d

Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
			Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		19,873,342,266	(3,153,760,261)	(9,141,497,126)	6,936,472,337
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		109,508,176		109,508,176	937,428,959
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		8,724,283	(115,922,912)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19,763,834,090	(3,153,760,261)	(9,259,729,585)	6,114,966,290
<i>18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61					
<i>18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	62		19,763,834,090			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2,331			757

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
 Người lập biểu

Lý Anh Thư
 Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
 Giám đốc

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: Q-03d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT- PPGT - QUÝ

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2010
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3,564,525,041)	6,936,472,337
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	3,633,481,414	4,191,865,257
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(2,902,500,000)	4,753,837,503
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	193,935,437	166,089,373
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	.3, VI.7, V	(7,285,416,703)	(51,509,294,204)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	82,412,638,563	63,358,242,929
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		72,487,613,670	27,897,213,195
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(179,529,210,815)	(41,520,376,434)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		72,077,065,205	(95,640,291,251)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		80,914,541,316	53,928,944,248
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(593,669,866)	(202,119,804)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(81,507,809,041)	(63,177,685,502)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(425,703,295)	(5,340,857,806)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(12,012,193,184)	11,060,107,495
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8,580,810,848)	(12,538,596,551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57,170,176,858)	(125,533,662,410)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	I, V.10, V	6,206,805,191	(65,467,984,262)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		118,181,818	617,713,224
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(250,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			194,600,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			(7,400,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.12	2,000,000,000	10,080,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.3, VI.4	7,978,000,000	7,063,663,045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16,302,987,009	(110,506,607,993)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: Q-03d

CHỈ TIÊU**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2010
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	4,000,000,000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	1,505,512,463,892	1,425,813,242,676
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(1,464,090,152,283)	(1,189,869,597,139)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(8,168,915,344)	(6,059,482,438)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37,253,396,265	229,884,163,099
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3,613,793,584)	(6,156,107,304)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6,723,539,798	12,461,256,384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,325,929	418,390,718
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	3,112,072,143	6,723,539,798

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
 Người lập biểu

Lý Anh Thư
 Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thủy sản Gentraco (Công ty mẹ) và Công ty con – Công ty CP Cầm Đồng Bằng (gọi chung là Nhóm Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại. Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản. Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo. Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại. Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi. Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống. Xuất nhập khẩu các sản phẩm thủy hải sản nguyên liệu và thương phẩm. Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ. Kinh doanh, nhập khẩu gỗ. Kinh doanh, nhập khẩu hạt nhựa và các chế phẩm từ dầu mỏ. Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng. Kinh doanh thuốc thú y thủy sản. Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi. Dịch vụ vận chuyển giao nhận hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng. Cho thuê kho bãi.
4. **Tổng số các công ty con** : 1
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1

5. Công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty CP Cầm Đồng Bằng	54 ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	96,88%	96,88%

Tại thời điểm đầu tháng 10 năm 2011, Công ty cổ phần Thủy Sản Gentraco đã mua 96,88% vốn tại Công ty cổ phần Cầm Đồng Bằng. Do vậy Báo cáo tài chính này được hợp nhất số liệu của Công ty con sau ngày mua.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Khi hợp nhất Báo cáo tài chính khoản đầu tư vào Công ty liên kết được được chỉnh phân lãi (lỗ) phát sinh trong Công ty liên kết và lợi thế thương mại (nếu có).

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo vốn điều lệ mà các thành viên đã đầu tư.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Nhóm Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ được hưởng ưu đãi đầu tư cụ thể theo hướng dẫn tại công văn số 1001/CT-TTHT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Cục Thuế Thành phố Cần Thơ

Đối với lĩnh vực đầu tư tại địa bàn tỉnh Đăk Nông và huyện An Phú tỉnh An Giang được hưởng các ưu đãi như sau:

- Thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động
- Miễn thuế TNDN 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo

Đối với các lĩnh vực đầu tư tại địa bàn huyện Thốt Nốt, TP Cần Thơ

a. Đối với các lĩnh vực đầu tư: xây xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN, gồm:

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thuế suất thuế TNDN 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động
- Được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo

b. Đối với lĩnh vực đầu tư: nuôi trồng thủy sản được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo.

Đối với Công ty con, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 217/CCT-TTHT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Chi Cục Thuế Huyện Lai Vung như sau:

- Đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp
 - + Đối với các lĩnh vực đầu tư: xay xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống:
 - o Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - o Được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Tiền mặt	74.710.613	116.426.859

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2011 (VNĐ)	31/12/2010 (VNĐ)
Tiền gửi ngân hàng	3.037.361.530	6.607.112.939
Cộng	3.112.072.143	6.723.539.798

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011 (VNĐ)	31/12/2010 (VNĐ)
Trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	-	93.000.000.000
Cộng	-	93.000.000.000

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2011 (VNĐ)	31/12/2010 (VNĐ)
Công ty CP đầu tư & phát triển Đa Quốc Gia	7.459.795.302	8.241.533.100
Công ty cổ phần Việt Ánh	867.947.015	5.871.267.095
Công ty cổ phần DoMeNal	2.911.961.500	-
Công ty cổ phần Ewos Việt Nam	938.396.550	-
Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam	1.333.966.200	1.039.937.000
Công ty cổ phần Việt An	7.686.665.500	-
Công ty TNHH Hai Thành Viên Hải Sản 404	2.601.137.492	-
Công ty Cổ Phần Thủy Sản Nhơn Mỹ	99.429.704.308	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Viễn Thông Miền Tây	13.806.984.185	-
Công ty cổ phần KL	39.905.000.000	-
Công ty CP chế biến thủy hải sản Hiệp Thanh	5.072.143.807	8.723.000
Công ty CP Sản Xuất Thương Mại Tân Lộc	4.224.646.174	-
Các khách hàng khác	17.785.626.111	42.294.270.026
Cộng	204.023.974.144	57.455.730.221

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2011 (VNĐ)	31/12/2010 (VNĐ)
Nhà cung cấp trong nước	172.251.398.680	133.242.714.751
- Công ty cổ phần Gentraco	7.902.543.489	86.616.900.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Gạo Việt	42.072.000.000	-
- Ông Trần Văn Sang	35.944.880.419	27.088.013.003
- Công ty Cổ Phần Việt Ánh	72.000.000.000	832.000.000
- Công ty TNHH Đầu Tư & Chế Biến Lương Thực Thiên Ngọc	4.763.000.000	832.000.000
- Công ty TNHH Famila	627.988.000	-
- Công Ty TNHH Xây Dựng Văng Lang	2.000.000.000	-
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Liên Hiệp	4.671.000.000	-
- Công Ty Lương Thực An Giang	750.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.519.986.772	17.873.801.748
Nhà cung cấp nước ngoài	-	9.466.000

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
- <i>Jai International Pvt., Ltd.</i>	-	9.466.000
Cộng	172.251.398.680	133.252.180.751

5. Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Vay hộ cho Nhân viên để mua cổ phần của Công ty	2.207.713.324	1.851.881.619
Phải thu tiền bán trái phiếu	93.000.000.000	-
Cổ tức phải thu	-	2.352.000.000
Lãi trái phiếu phải thu	-	4.628.666.666
Tạm ứng cổ tức năm 2010	-	418.875.344
Phải thu tiền bồi thường hao hụt đã xử lý	185.211.118	1.910.238.325
Tạm ứng cho cán bộ quản lý mua CP GFC	4.000.000.000	-
Tạm ứng phải thu Công Ty CP Thủy Sản Nhơn Mỹ	2.198.562.125	-
Các khoản phải thu khác	168.346.541	917.864.520
Cộng	101.759.833.108	12.079.526.474

6. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Hàng mua đang đi trên đường	67.549.335.604	49.027.781.402
Nguyên liệu, vật liệu	4.115.203.088	3.005.164.978
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.332.970.365	100.167.847.649
Thành phẩm	20.188.630.260	7.853.470.581
Hàng hóa	14.664.915.176	69.873.855.088
Cộng	157.851.054.493	229.928.119.698

Một số nguyên vật liệu, hàng hóa đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (Xem thuyết minh VI.15).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Công cụ, dụng cụ	110.038.072	46.653.855
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	566.576.235	4.780.000
Cộng	676.614.307	51.433.855

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Tạm ứng	1.030.091.798	982.164.223
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.770.717.188	1.720.565.150
Cộng	3.800.808.986	2.702.729.373

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	86.821.611.531	20.000.000	86.841.611.531
Tăng trong kỳ	4.540.039.949	-	4.540.039.949
Mua trong kỳ	186.300.000	-	186.300.000
Đầu tư xây dựng CB hoàn thành	4.353.739.949	-	4.353.739.949
Giảm trong kỳ	(3.945.234.470)	-	(3.945.234.470)
Số cuối kỳ	87.416.417.010	20.000.000	87.436.417.010
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	930.871.164	2.666.665	933.537.829
Khấu hao trong kỳ	882.395.999	1.999.998	884.395.997
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.813.267.163	4.666.663	1.817.933.826
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	85.890.740.367	17.333.335	85.908.073.702
Số cuối kỳ	85.603.149.847	15.333.337	85.618.483.184

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	314.042.500	4.638.748.519	(4.800.556.019)	401.571.070
XDCB dở dang	338.860.848	326.244.000	(326.244.000)	338.860.848
Sửa chữa lớn TSCĐ	28.449.404	-	-	28.449.404
Cộng	681.352.752	4.964.992.519	(5.126.800.019)	519.545.252

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Việt Ánh ^(a)	1.960.000	19.600.000.000	1.960.000	19.600.000.000
Công ty cổ phần lương thực Nam Việt ^(b)	-	-	920.000	9.200.000.000
Cộng	1.960.000	19.600.000.000	2.880.000	28.800.000.000

^(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000064 ngày 16 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Việt Ánh 19.600.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300071468 ngày 26 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần lương thực Nam Việt 9.200.000.000 VND, tương đương 32,80% vốn điều lệ, trong tháng 9 năm 2011 Công ty đã rút vốn

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bằng tiền mặt 2.000 cổ phiếu tương đương 2.000.000.000đ và bán 6.000 cổ phiếu tương đương 6.000.000.000đ của Công ty cổ phần lương thực Nam Việt cho Công ty TNHH MTV Gạo Việt.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Thủy Sản Nhơn Mỹ	610.000	6.100.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần Lương Thực Nam Việt	120.000	1.200.000.000	-	-
Cộng	730.000	7.300.000.000	-	-

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
			trong kỳ	
Công cụ, dụng cụ	733.075.361	258.831.672	(473.183.402)	518.723.631
Tiền thuê đất của Chi nhánh An Giang	159.701.333	-	(12.608.000)	147.093.333
Tiền thuê đất của Trung tâm cá giống & dịch vụ thú y thủy sản	-	192.000.000	(40.000.000)	152.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	54.362.400	88.818.000	(45.368.856)	97.811.544
Cộng	947.139.094	539.649.672	(571.160.258)	915.628.508

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 (VNĐ)	31/12/2010 (VNĐ)
Vay ngắn hạn ngân hàng	384.588.577.077	343.051.603.755
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ ^(a)	37.999.246.392	80.351.252.318
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	331.098.433.094	262.700.351.437
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt ^(c)	13.549.897.591	-
-NH TMCP Tiên Phong_CN Cần Thơ ^(d)	1.941.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	527.000.000	1.145.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ	425.000.000	1.145.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương- Chi nhánh Cần Thơ	102.000.000	-
Cộng	385.115.577.077	344.196.603.755

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa và các khoản phải thu trị giá 130 tỷ đồng.

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 350 tỷ đồng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất và tín chấp trị giá 30 tỷ đồng.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 20 tỷ đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	343.051.603.755	1.145.000.000	344.196.603.755
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.505.087.463.892	-	1.505.087.463.892
Số kết chuyển từ vay dài hạn		527.000.000	527.000.000
Chênh lệch tỷ giá	(605.338.287)	-	(605.338.287)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.462.945.152.283)	(1.145.000.000)	(1.464.090.152.283)
Số cuối kỳ	384.588.577.077	527.000.000	385.115.577.077

16. Phải trả người bán

	31/12/2011 (VNĐ)	31/12/2010 (VNĐ)
Công ty cổ phần Gentraco	98.895.200.339	73.771.611.252
Công ty cổ phần Việt Ánh	22.363.370.025	19.863.716.811
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	29.970.542.577	2.879.184.277
Chi nhánh Cty CP Chế Biến Thủy Hải Sản Hiệp Thanh - XNCB Thức Ăn Chăn Nuôi	11.041.674.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển viễn thông Miền Tây	13.835.246.863	-
Công ty cổ phần Geenfeed Việt Nam	8.210.845.920	222.039.006
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.185.239.900	-
XN Sản Xuất Thức Ăn Thủy Sản Anfoodco –	6.932.900.000	-
Công ty Lương Thực Thực Phẩm An Giang		-
Công ty Cổ Phần Lương Thực Sông Hậu	2.378.000.000	-
CTy TNHH MTV Việt Thái Tín	1.453.004.280	-
Công Ty Cổ Phần Pallet Vina	2.263.407.300	16.352.996
Các nhà cung cấp khác	5.863.235.848	44.132.336.453
Cộng	205.392.667.052	140.885.240.795

17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2011 (VNĐ)	31/12/2010 (VNĐ)
Công ty cổ phần Gentraco	45.782.166.667	-
Công ty cổ phần Việt Ánh	65.217.397.600	-
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	1.217.704.792	86.400.000.000
Ông Nguyễn Văn Bé	1.822.457.700	48.163.520
Ông Huỳnh Thanh Quân	190.000.000	-
Các khách hàng khác	2.945.759.225	15.313.361.671
Cộng	117.175.485.984	101.761.525.191

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	(2.424.351.047)	-	(2.424.351.047)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.252.583.965	(5.252.583.965)	-
Thuế nhập khẩu	-	1.357.463.373	(1.357.463.373)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.803.483.708)	-	(274.759.362)	(2.078.243.070)
Thuế thu nhập cá nhân	57.210.569	151.500.619	(180.367.625)	28.343.563
Các loại thuế khác	-	15.928.500	(15.928.500)	-
Cộng	(1.746.273.139)	4.353.125.410	(7.081.102.825)	(4.474.250.554)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Bã đậu nành, gạo, thức ăn thủy sản và các phụ phẩm: 5%
- Thuốc thú y và các dịch vụ: 5; 10%
- Cá tra fillet xuất khẩu: 0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư theo hướng dẫn tại Công văn số 1001/CT-TTHT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Cục Thuế Thành phố Cần Thơ, cụ thể:

- a) Đối với lĩnh vực đầu tư tại địa bàn tỉnh Đăk Nông và huyện An Phú tỉnh An Giang được hưởng các ưu đãi như sau:
 - o Thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - o Miễn thuế TNDN 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- b) Đối với các lĩnh vực đầu tư tại địa bàn Quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ:

Đối với các lĩnh vực đầu tư: xay xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN, gồm:

 - o Thuế suất thuế TNDN 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động
 - o Được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo

Đối với lĩnh vực đầu tư: nuôi trồng thủy sản được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Phải trả người lao động**

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Lương tháng 12 tại Công ty con chưa thanh toán	11.841.000	-

20. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Trích trước chi phí lãi vay	904.829.522	218.388.819
Trích trước chi phí bán hàng	26.411.428	-
Cộng	931.240.950	218.388.819

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Thu Hộ Kinh Phí Công Đoàn	487.363.150	150.758.827
Cổ tức 2010	319.030.650	
Thừa chờ xử lý	37.400.352	
Khác	58.314.488	12.561.290
Cộng	902.108.640	163.320.117

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập từ lợi nhuận trong kỳ</u>	<u>Số chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(85.772.382)	305.748.315	-	219.975.933
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	42.616.312	-	-	42.616.312
Cộng	(43.516.070)	305.748.315	-	262.592.245

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ ^(a)	743.750.000	-	425.000.000	318.750.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương – Chi nhánh Cần Thơ kỳ ^(b)	-	510.000.000	102.000.000	408.000.000
Số cuối kỳ	743.750.000	510.000.000	527.000.000	726.750.000

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn đầu tư dự án nuôi cá tra giống và đầu tư vào kho nguyên liệu thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất trị giá 12.150.000.000 VND.
- (b) Tại Công ty Con, Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn trung hạn đầu tư mua phương tiện hỗ trợ trong công tác điều hành và quản lý Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành vốn vay.

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>31/12/2011 (VND)</u>	<u>31/12/2011 (VND)</u>
Số đầu năm	-	46.232.431
Số trích lập trong năm	484.683.333	16.427.806
Số chi trong năm	(92.958.333)	(62.660.237)
Số cuối năm	391.725.000	-

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Mục đích trích lập quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.480.000	8.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.480.000	8.080.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.480.000	8.080.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.480.000	8.080.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.480.000	8.080.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 4/2011	Quý 4/2010
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	543.527.768.074	299.093.698.173
Bã đậu nành	130.668.734.800	128.858.496.259
Bắp hạt	28.825.689.995	24.065.434.293
Cám các loại	19.004.113.031	35.951.380.088
Tầm	184.968.476	3.507.395.740
Gạo các loại	97.629.680.000	18.905.000.000
Thuốc thủy sản	3.649.993.708	2.969.457.709
Thức ăn cá	30.576.633.188	-
Cá tra	221.638.611.085	62.405.872.393
Mì lát	3.549.231.909	11.777.789.767
Lúa mì	7.185.123.964	4.996.422.400
Đường	-	4.915.428.571
Khác (Bã cải, đậu phộng, bột bắp, ...)	614.987.918	741.020.953
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	-
Doanh thu thuần	543.527.768.074	299.093.698.173

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2011	Quý 4/2010
Bã đậu nành	115.058.145.470	127.106.048.758
Bắp hạt	27.911.809.456	21.616.000.748
Cám các loại	20.573.198.444	32.939.807.336
Tầm	156.869.041	3.168.795.433
Gạo các loại	100.125.089.991	18.564.897.509
Thuốc thủy sản	3.484.937.633	3.111.343.710
Thức ăn cá	30.576.633.187	-
Cá tra	192.549.252.497	46.904.483.545
Mì lát	3.295.311.368	11.719.835.735
Đường	-	4.819.047.620
Lúa mì	7.141.059.109	4.909.882.519
Khác (Cám dừa, than, ...)	202.458.843	702.234.165
Cộng	501.074.765.039	275.562.377.078

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2011	Quý 4/2010
Lãi tiền gửi ngân hàng	72.355.985	37.344.096
Lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	639.970.211	3.637.433.116
Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu	-	(5.443.777.778)
Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	15.680.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.812.000.000

NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi bán hàng trả chậm	5.591.496.265	803.514.128
Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá	196.775.648	77.708.578
Thu nhập về hoạt động đầu tư khác	1.178.036.141	-
Cộng	7.678.634.250	17.604.222.140

4. Chi phí tài chính	Quý 4/2011	Quý 4/2010
Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ	2.135.389.341	6.230.688.066
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các tổ chức khác	23.916.945.833	27.169.430.153
Khoản lỗ về chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn	-	4.480.000.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	-	25.298.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	3.000.000.000
Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá do đánh giá các tài khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ	193.935.437	37.130.246
Cộng	26.246.270.611	40.942.546.465

5. Chi phí bán hàng	Quý 4/2011	Quý 4/2010
Chi phí nhân viên	570.376.512	416.671.396
Chi phí vật liệu bao bì	50.049.000	650.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	231.388.727	57.672.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.100.242	(1.100.324.967)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.909.902.720	2.032.891.600
Chi phí bằng tiền khác	150.163.812	99.798.469
Cộng	4.160.981.013	1.507.359.354

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 4/2011	Quý 4/2010
Chi phí nhân viên quản lý	643.937.395	593.037.092
Chi phí đồ dùng văn phòng	469.184.323	67.854.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.406.973	14.946.587
Thuế, phí và lệ phí	18.803.920	3.122.269
Chi phí dự phòng	97.500.000	130.352.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.866.303	356.298.203
Chi phí bằng tiền khác	843.416.500	987.676.044
Cộng	2.186.115.414	2.153.286.988

7. Thu nhập khác	Quý 4/2011	Quý 4/2010
-------------------------	-------------------	-------------------

NHÓM CÔNG TY CP THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	621.503.121	617.713.224
Thu nhập từ tài sản đem góp vốn	6.100.000.000	-
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	(228.186.960)	-
Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá	-	-
Thu nhập từ bán bao, phế thải	329.138.637	384.571.054
Cộng	6.822.454.798	1.002.284.278

8. Chi phí khác

	Quý 4/2011	Quý 4/2010
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	513.015.708	492.748.731
Giá trị còn lại của tài sản đem vốn góp	3.945.234.466	-
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế	-	193.188.400
Chi phí khác	29.132.605	2.457.836
Cộng	4.487.382.779	688.394.967

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22,188,339,494	8,516,357,384	2,881,825,398	279,757,937	269,747,101	34,136,027,314
Tăng trong năm	1,837,036,049	937,156,993	1,577,603,727	16,354,545	-	4,368,151,314
Mua sắm mới	1,837,036,049	639,340,923	1,171,917,727	16,354,545	-	3,664,649,244
Đầu tư XDCB hoàn thành		297,816,070	405,686,000			703,502,070
Giảm trong năm	(327,583,636)	(864,983,455)	-	-	-	(1,192,567,091)
Thanh lý, nhượng bán	(327,583,636)	(864,983,455)	-	-	-	(1,192,567,091)
Số cuối năm	23,697,791,907	8,588,530,922	4,459,429,125	296,112,482	269,747,101	37,311,611,537
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3,911,450,282	2,038,103,192	221,814,798	143,209,243	21,196,061	6,335,773,576
Khấu hao trong năm	2,292,928,278	1,051,122,550	345,533,967	56,860,182	46,131,256	3,792,576,233
Thanh lý, nhượng bán	(96,905,479)	(284,896,501)	-	-	-	(381,801,980)
Số cuối năm	6,107,473,081	2,804,329,241	567,348,765	200,069,425	67,327,317	9,746,547,829
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	18,276,889,212	6,478,254,192	2,660,010,600	136,548,694	248,551,040	27,800,253,738
Số cuối năm	17,590,318,826	5,784,201,681	3,892,080,360	96,043,057	202,419,784	27,565,063,708

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Kim Thẩm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22,188,339,494	8,516,357,384	2,881,825,398	279,757,937	269,747,101	34,136,027,314
Tăng trong năm	1,837,036,049	937,156,993	1,577,603,727	16,354,545	-	4,368,151,314
Mua sắm mới	1,837,036,049	639,340,923	1,171,917,727	16,354,545	-	3,664,649,244
Đầu tư XDCB hoàn thành		297,816,070	405,686,000			703,502,070
Giảm trong năm	(327,583,636)	(864,983,455)	-	-	-	(1,192,567,091)
Thanh lý, nhượng bán	(327,583,636)	(864,983,455)	-	-	-	(1,192,567,091)
Số cuối năm	23,697,791,907	8,588,530,922	4,459,429,125	296,112,482	269,747,101	37,311,611,537
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3,911,450,282	2,038,103,192	221,814,798	143,209,243	21,196,061	6,335,773,576
Khấu hao trong năm	2,292,928,278	1,051,122,550	345,533,967	56,860,182	46,131,256	3,792,576,233
Thanh lý, nhượng bán	(96,905,479)	(284,896,501)	-	-	-	(381,801,980)
Số cuối năm	6,107,473,081	2,804,329,241	567,348,765	200,069,425	67,327,317	9,746,547,829
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	18,276,889,212	6,478,254,192	2,660,010,600	136,548,694	248,551,040	27,800,253,738
Số cuối năm	17,590,318,826	5,784,201,681	3,892,080,360	96,043,057	202,419,784	27,565,063,708

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Kim Thẩm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80,800,000,000	(869,956,531)	106,540,779	8,128,955,794	88,165,540,042
Tăng vốn từ lợi nhuận năm trước					-
Phát hành cổ phiếu trong năm					-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6,114,966,290	6,114,966,290
Trích lập các quỹ trong năm trước					-
Chia cổ tức	-	-	-	(5,640,607,094)	(5,640,607,094)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	869,956,531	-	-	869,956,531
Số dư cuối năm trước	80,800,000,000	-	106,540,779	8,603,314,990	89,509,855,769
Số dư đầu năm nay	80,800,000,000	-	106,540,779	8,603,314,990	89,509,855,769
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(9,259,729,585)	(9,259,729,585)
Phát hành cổ phiếu trong năm	4,000,000,000				4,000,000,000
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(305,748,315)	(305,748,315)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(8,168,915,344)	(8,168,915,344)
Số dư cuối năm nay	84,800,000,000	-	106,540,779	(9,131,078,254)	75,775,462,525

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80,800,000,000	(869,956,531)	106,540,779	8,128,955,794	88,165,540,042
Tăng vốn từ lợi nhuận năm trước					-
Phát hành cổ phiếu trong năm					-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6,114,966,290	6,114,966,290
Trích lập các quỹ trong năm trước					-
Chia cổ tức	-	-	-	(5,640,607,094)	(5,640,607,094)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	869,956,531	-	-	869,956,531
Số dư cuối năm trước	80,800,000,000	-	106,540,779	8,603,314,990	89,509,855,769
Số dư đầu năm nay	80,800,000,000	-	106,540,779	8,603,314,990	89,509,855,769
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(9,259,729,585)	(9,259,729,585)
Phát hành cổ phiếu trong năm	4,000,000,000				4,000,000,000
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(305,748,315)	(305,748,315)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(8,168,915,344)	(8,168,915,344)
Số dư cuối năm nay	84,800,000,000	-	106,540,779	(9,131,078,254)	75,775,462,525

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc